TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN THÁNG V NĂM 1993

Ở Bắc Bộ có vài đợt mưa vừa, mưa to trên diện rộng và đã có lũ xuất hiện vào thời kỳ giữa và cuối tháng.

Nền nhiệt độ trên phạm vi cả nước ở mức xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh: Trong tháng có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến thời tiết miền Bắc vào ngày 2 và 15; nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 8 đến 10°C; mưa rào và dông xẩy ra nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to.

b) Nắng nóng: Nhiều nơi thuộc các tỉnh Nam Bộ, ven biển Trung Bộ và một số nơi thuộc vùng núi Bắc Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất ở Nghệ An đến Quảng Nam - Đà Nẵng đạt tới 37,0 đến 39,6°C.

c) Tố lốc và mưa đá: Một số nơi thuộc vùng núi, ven biển Bắc Bộ và khu IV cũ có tố lốc và mưa đá.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Cửa Rào (Nghệ An): 39,5°C xẩy ra ngày 2.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sìn Hồ (Lai Châu): 13,5°C xẩy ra ngày 27.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Trung Bộ và Nam Bộ có lượng mưa tháng thiếu hụt so với TBNN; còn các nơi khác cao hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Thái Nguyên (Bắc Thái): 503mm và cũng là nơi có lượng mưa ngày cao nhất 220mm/ngày 15.

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Tuy Hòa (Phú Yên): 13mm.

4. Số giờ nắng

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ, phía tây Bắc Bộ và Nam Trung Bộ có số giờ nắng cao hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Tuy Hòa (Phú Yên): 280 giờ.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Yên Bái: 140 giờ (-14 giờ) và Hòa Bình: 140 giờ (-44 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh miền Bắc, do có mưa nên diện tích hạn được thu hẹp, lúa phát triển tốt. Nếu thời tiết tháng VI diễn biến bình thường, không bị ảnh hưởng của bão và mưa lớn thì vụ chiêm xuân năm nay sẽ có nhiều hứa hẹn tốt.

II. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày đầu tháng mực nước các sông ở xu thế xuống, những ngày giữa và cuối tháng trên các sông đã xuất hiện lũ.

Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước cao nhất tháng là 2,74m (7h ngày 17), mực nước nhỏ nhất tháng là 0,84m (19h ngày 2). Trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương, mực nước cao nhất tháng là 4,48m (13h ngày 16).

Trên sông Đà tại trạm Quỳnh Nhai, mực nước cao nhất tháng là 4,77m (23h ngày 31).

Mực nước hồ Hòa Bình ngày đầu tháng là 94,50m (19h ngày 1), ngày cuối tháng là 94,03m (19h ngày 31).

Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất tháng là 28,54m (19h ngày 31).

Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất tháng là 17,87m (19h ngày 31).

Trên sông Hồng tại Hà Nội, mực nước thấp nhất tháng là: 3,56m (7h ngày 3); mực nước cao nhất tháng là 4,78m (19h ngày 25); mực nước trung bình tháng là 4,16m, cao hơn mực nước TBNN 42cm.

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông bình thường và ở mức thấp.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế lên dần.

Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng là 0,76m (20h

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Tuyệt đối	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	25,9	-0,5	32,0	35,8	14	22,5	21,1	11	85	44	9
2	Điện Biên	25,0	-0,3	31,9	33,3	15	20,7	18,5	6	85	51	1
3	Sơn La	24,4	-0,3	29,9	33,7	2	20,6	19,0	26	82	42	1
4	Sa Pa											
5	Lao Cai	26,6	-0,2	31,1	34,5	31	23,7	21,3	4	80	50	31
6	Yên Bái	26,5	-0,2	30,9	35,0	31	23,8	20,7	4	86	56	31
7	Hà Giang	26,8	+0,1	30,1	34,0	9	23,6	22,8	4	83	55	9
8	Tuyên Quang	27,0	-0,1	31,4	36,4	31	24,0	20,7	4	82	46	31
9	Lạng Sơn	25,3	-0,2	29,6	33,0	31	22,6	17,6	3	85	52	31
10	Cao Bằng	25,8	-0,2	30,2	34,8	8	22,5	18,9	3	81	45	27
11	Thái Nguyên	26,5	-0,6	29,7	34,4	31	23,8	20,6	4	86	51	27
12	Bắc Giang	26,7	-0,6	30,4	33,1	27	23,3	19,8	3	87	58	27
13	Phú Thọ	26,7	-0,4	30,9	35,5	31	24,0	20,5	4	87	49	31
14	Hòa Bình	27,0	-0,1	31,8	35,7	31	23,2	21,2	3	90	51	27
15	Hà Nội (Láng)	27,0	-0,3	31,2	33,6	1	24,3	20,1	3	85	60	27
16	Tiên Yên											
17	Hồng Gai	26,8	+0,1	29,6	32,5	31	24,7	21,0	11	85	60	28
18	Phù Liễn	26,4	0,0	30,1	32,3	26	24,2	20,7	3	90	65	27
19	Thái Bình	27,2	+0,2	30,4	33,2	21	25,1	21,2	3	88	66	12
20	Nam Định	27,1	-0,1	30,8	33,5	21	25,0	20,6	3	89	60	27
21	Thanh Hóa	27,0	-0,2	30,8	34,9	31	24,4	22,1	4	87	56	31
22	Vinh	27,6	-0,1	32,4	37,0	2	24,7	22,3	16	83	43	15
23	Đồng Hới	27,8	-0,2	32,2	38,8	2	24,8	22,9	11	81	41	2
24	Huế	28,1	-0,2	34,2	37,3	2	24,4	22,9	17	78	48	7
25	Đà Nẵng	28,0	-0,2	33,2	37,6	2	24,9	23,5	29	79	54	25
26	Quảng Ngãi	28,1	-0,3	33,4	35,0	27	24,7	23,3	11	83	56	16
27	Quy Nhơn	29,3	+0,5	35,0	36,8	21	26,3	24,9	24	82	53	28
28	Pơ lây cu	24,0	0,0	29,9	33,5	3	20,4	18,6	11	82	43	3
29	Buôn mê thuột											
30	Đà Lạt	19,3	-0,4	25,0	27,1	6	15,5	14,0	14	86	50	6
31	Nha Trang	28,4	+0,1	32,4	33,2	10	25,3	23,4	16	80	60	1
32	Phan Thiết	29,0	+0,2	32,6	34,8	28	25,9	23,8	17	77	54	23
33	Vũng Tàu	28,9	0,0	32,1	34,5	28	26,3	23,6	17	77	55	4
34	Tây Ninh											
35	T.P Hồ Chí Minh	29,4	+0,6	34,7	36,6	8	25,9	24,2	14	x	x	x
36	Tiền Giang	28,6	+0,1	34,0	35,9	7	25,3	23,4	3	80	42	7
37	Cần Thơ	28,4	+0,6	33,6	34,9	10	25,6	24,1	3	82	57	7
38	Sóc Trăng	28,2	+0,2	33,9	36,6	9	24,4	22,8	2	82	44	7
39	Rạch Giá	28,7	+0,2	33,0	34,9	14	25,9	24,8	12	85	52	13
40	Cà Mau	28,3	+0,6	34,4	36,4	8	24,6	22,8	3	82	42	7

CỦA CÁC TRẠM THÁNG V NĂM 1993

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIÓ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Giông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa D.nhất							Nhẹ	Mạnh			
319	+48	40	6	12	1	26	91	6	19	190	+3	2	0	23	0	1
227	+45	30	24	5	2	20	76	4	27	207	+7	0	0	15	0	2
246	+75	80	24	5	2	23	82	6	x	215	+9	0	0	19	0	3
																4
191	-18	70	22	6	4	22	66	4	8	178	-11	0	0	10	0	5
140	-86	40	15	6	3	20	69	4	8	140	-14	0	0	16	0	6
272	-12	90	17	4	3	17	89	5	9	x	4	0	0	17	0	7
283	+72	67	10	6	4	16	93	5	31	164	-18	1	0	16	0	8
347	+182	100	10	6	3	20	80	6	31	165	-22	0	0	20	0	9
252	+68	50	15	5	3	20	98	5	21	x	x	0	0	15	0	10
503	+269	220	15	8	3	24	70	4	31	144	-33	0	0	17	0	11
420	+118	120	15	8	2	24	64	4	31	163	-40	0	0	20	0	12
173	-29	20	3	6	2	22	73	5	31	152	-16	1	0	21	0	13
254	+20	50	17	9	2	26	59	3	10	140	-44	1	0	21	0	14
248	+60	60	15	11	1	27	67	4	31	152	-14	0	0	21	0	15
																16
299	+74	60	23	5	6	18	60	3	13	165	-33	0	0	18	0	17
188	-15	45	11	16	3	24	46	3	31	154	-30	0	0	20	0	18
185	+17	60	16	8	3	19	83	4	13	174	-25	0	0	16	0	19
178	+3	40	17	5	4	21	66	4	27	163	-39	0	0	15	0	20
170	+13	40	16	7	6	16	70	5	31	186	-16	0	0	21	0	21
75	-61	20	25	4	4	15	96	6	13	197	-16	3	2	12	0	22
104	-2	56	11	6	6	16	109	7	31	221	-7	3	1	12	0	23
50	-32	20	28	7	3	15	111	7	1	170	-79	11	0	26	0	24
46	-17	20	25	4	14	6	88	4	25	232	-24	0	0	16	0	25
45	-21	10	30	6	17	12	81	3	15	235	-39	0	0	15	0	26
20	-43	10	25	6	15	7	77	4	28	267	-11	0	0	10	0	27
184	-69	40	23	3	3	15	92	7	3	206	-3	0	0	21	0	28
																29
115	-64	20	23	8	3	20	62	3	6	206	+10	0	0	18	0	30
52	-03	20	19	5	14	10	133	6	2	260	+9	0	0	10	0	31
160	+24	50	17	3	21	9	131	6	5	269	+21	0	0	15	0	32
155	-33	30	25	5	10	10	112	5	6	222	-17	0	0	10	0	33
																34
111	-107	50	25	3	15	7	x	x	x	x	x	x	x	3	0	35
105	-62	30	23	3	14	10	119	6	1	226	+4	13	0	17	0	36
140	-37	57	24	8	11	13	81	4	2	233	+20	0	0	8	0	37
90	-136	30	28	7	7	12	89	5	7	233	+39	9	0	18	0	38
119	-109	46	24	5	5	13	123	7	3	245	+41	0	0	19	0	39
284	+8	100	16	6	7	15	x	5	3	196	+24	11	0	21	0	40

Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng V năm 1993

Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng V năm 1993

ngày 3); ngày cuối tháng là 1,05m (18h ngày 31).

Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước cao nhất ngày đầu tháng là 0,68m (19h ngày 3), ngày cuối tháng là 0,95m (18h ngày 31).

III. TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía Bắc: hướng gió chủ yếu là nam và đông - nam, ven bờ tốc độ gió trung bình cấp 4 (5-6m/s). Ngoài khơi gió mạnh nhất cấp 6 (10 - 12m/s). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam, ven bờ độ cao sóng trung bình cấp II (0,25-0,75m), ngoài khơi sóng cao nhất cấp IV (1-1,5m).

- Vùng biển phía nam: Hướng gió chủ yếu là đông nam và tây nam, ven bờ tốc độ gió trung bình cấp 4 (5-6m/s). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa gió mạnh nhất cấp 6 (10 - 12m/s). Hướng sóng chủ yếu là đông nam và tây nam, ven bờ độ cao sóng trung bình cấp II (0,25 - 0,75m). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa sóng cao nhất cấp IV (1,2 - 1,8m).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía Bắc: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 26- 27°C, cao nhất 29-30°C, thấp nhất 24 - 25°C.

- Vùng biển phía Nam: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 28- 29°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 26-27°C.

3. Độ mặn nước biển:

- Vùng biển phía Bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 30-31‰, cao nhất 32-33‰, thấp nhất 27-28‰.

- Vùng biển phía Nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 30-31‰, cao nhất 33-34‰, thấp nhất 28-29‰.